| TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Quyết định giám đốc thẩm
số: 23/2018/DS-GĐT
Ngày 23/8/2018
V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- ***Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tham gia xét xử gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Xuân Minh
Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thúy Hiền;
- Ông Nguyễn Văn Du;
- Ông Tống Anh Hào;
- Ông Lê Văn Minh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Thu Hải Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa***: Ông Lê Thành Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án "Tranh chấp thừa kế" giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

1.1 Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1932;

1.2 Ông Trịnh Hữu H, sinh năm 1956;

1.3 Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1961;

Cùng cư trú tại: Tổ 23, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

1.4 Ông Trịnh A, sinh năm 1964;

Cư trú tại: Số 156 đường L, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

1.5 Bà Trịnh Ánh H, sinh năm 1967;

Cư trú tại: Phòng 207 - D3, tập thể A, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

1.6 Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1958;

Cư trú tại: Thôn H, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội.

1.7 Anh Trịnh Quốc H1, sinh năm 1979;

Cư trú tại: Số 122 ngõ 230, Tổ 9, phường D, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn:* Ông Trịnh Hữu H, sinh năm 1956 (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 12 năm 2004).

Cư trú tại: Tổ 23, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

*2. Bị đơn:*

Cụ Nguyễn Thị C, chết ngày 14/10/2013;

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm:

2.1 Ông Trịnh Văn U, sinh năm 1938;

2.2 Ông Trịnh Xuân L, sinh năm 1953;

2.3 Ông Trịnh Văn H2, sinh năm 1956;

2.4 Anh Trịnh Xuân H3, sinh năm 1986;

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội.

2.5 Ông Trịnh Văn U1, sinh năm 1941;

Cư trú tại: Trường phổ thông trung học C (xóm 5), xã L, huyện S, tỉnh Hòa Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn U1:* Ông Trịnh Minh T1 (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 8 năm 2014).

Cư trú tại: Số 45C, phố G, quận B, thành phố Hà Nội.

2.6 Bà Trịnh Kim T1, sinh năm 1947;

Cư trú tại: Số 24 ngõ H, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

2.7 Cháu Trịnh Thanh T2, sinh năm 1996;

*Người đại diện theo pháp luật của cháu Trịnh Thanh T2:* Chị Bùi Thị N (mẹ của cháu T2).

Chị N và cháu T2 cùng cư trú tại: Tiểu Khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

2.8 Cháu Trịnh Yến N, sinh năm 2008;

*Người đại diện theo pháp luật của cháu Trịnh Yến N:* Chị Đặng Thị Y (mẹ của cháu N).

Chị Y và cháu N cùng cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Lê Thị T3, sinh năm 1956;

3.2 Anh Trịnh Minh T2, sinh năm 1990;

3.3 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964;

3.4 Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm

3.5 Anh Trịnh Hồng T3, sinh năm 1974;

3.6 Chị Trịnh Thị P, sinh năm 1976;

3.7 Anh Trịnh Văn S, sinh năm 1981;

3.8 Chị Trịnh Thị H1, sinh năm 1982;

3.9 Anh Trịnh Văn B, sinh năm 1985;

3.10 Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm

3.11 Bà Đặng Thị L2, sinh năm 1954;

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội.

3.12 Ông Trịnh Đình B1, sinh năm 1956;

3.13 Bà Trịnh Thị L3, sinh năm 1958;

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội.

3.14 Bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1954;

Cứ trú tại: Bản P, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La.

3.15 Anh Đinh Văn T4, sinh năm 1972;

3.16 Chị Phạm Thị Hải H3, sinh năm 1974;

3.17 Ông Đinh Văn T5, sinh năm 1944;

3.18 Bà Hà Thị T4, sinh năm 1947;

Cùng cư trú tại: Phòng 9 - D8 T, quận T, thành phố Hà Nội.

3.19 Anh Đinh Tuấn A1, sinh năm 1982;

Cư trú tại: Số 10/28 ngõ T, phố Đ, Tổ 43, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

3.20 Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

*Người đại diện theo ủy quyền*: Bà Lê Khánh L - Chuyên viên Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 6 năm 2013 và ngày 09 tháng 10 năm 2013).

3.21 Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình V - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 12 năm 2013).

3.22 Ủy ban nhân dân xã Chương Dương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội;

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Huỳnh Ngọc H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Chương Dương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 21/9/2004, các đồng nguyên đơn thống nhất trình bày.*

Cụ Trịnh Hữu T1 chết ngày 23/11/1994, có 03 vợ.

Vợ thứ nhất là cụ Nguyễn Thị C chết tháng 10/2013, hai cụ có 06 người con chung gồm: ông Trịnh Văn U, ông Trịnh Văn U1, bà Trịnh Kim T1, ông Trịnh Văn Đ, ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Văn H2. Ông Đ chết năm 1990, có 02 người vợ là bà Đỗ Thị H2 và bà Đặng Thị L2. Ông Đ và bà H2 có 01 người con chung là anh Trịnh Văn V (chết năm 2009, có 02 người con là cháu Trịnh Thanh T2 và cháu Trịnh Yến N), ông Đ và bà L2 có 01 người con chung là anh Trịnh Xuân H3.

Vợ thứ hai là cụ Nguyễn Thị H, cụ T1 và cụ H có 02 người con chung là ông Trịnh Văn Đ1, bà Trịnh Thị L3.

Vợ thứ ba là cụ Nguyễn Thị T, cụ T1 và cụ T có 07 người con chung gồm: ông Trịnh Hữu H, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị M, ông Trịnh Văn A2, ông Trịnh Quốc H1, bà Trịnh Ánh H, ông Trịnh Tuấn A1 (chết năm 1997, không có vợ, con).

Cụ T1 chết không để lại di chúc. Di sản cụ T1 để lại gồm: 05 gian nhà ngói, 01 cây sấu nằm trên 03 sào đất ở và 02 sào ao được hưởng thừa kế theo Bản án dân sự phúc thẩm số 15/1981/DSPT ngày 21/10/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình; tài sản trên diện tích 7,5 sào đất ở và ao, có nhà, cây, khu phụ tại thôn C, xã D, huyện T hiện do cụ Nguyễn Thị C và ông Trịnh Văn U1 quản lý, sử dụng.

Các đồng nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T1 và xin nhận bằng hiện vật chung vào một khối tại diện tích ao để không làm xáo trộn cuộc sống của các bị đơn.

Về nhà đất ở diện tích 51,4m$^2$, tại tổ 23, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội, đây là tài sản riêng của cụ T, đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/7/2000. Ngày 19/8/2004, cụ T và các con đã chuyển nhượng nhà đất này cho vợ chồng chị Phạm Thị Hải H3, anh Đinh Văn T4. Hai bên đã giao tiền, giao nhà và hoàn tất thủ tục sang tên tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vợ chồng anh T4, chị H3 đã phá nhà cũ, xây dựng nhà mới. Trong trường hợp Tòa án xác định nhà đất là tài sản chung của cụ T và cụ T1 thì các đồng nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng nhà đất với gia đình anh T4, chị H3.

Về nhà đất tại số 23 tổ 59, B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội: Khi còn sống cụ T1 đã chuyển nhượng nhà đất này cho người khác, không còn là di sản thừa kế.

*Bị đơn là cụ Nguyễn Thị C* [chết ngày 14/10/2013, có 8 người thừa kế quyền và nghĩa vụ là ông Trịnh Văn U, ông Trịnh Văn U1, bà Trịnh Kim T1,

ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Văn H2, cháu Trịnh Thanh T2 (người đại diện theo pháp luật là chị Bùi Thị N mẹ của cháu T2), cháu Trịnh Yến N (người đại diện theo pháp luật là chị Đặng Thị Y mẹ của cháu N)] trình bày:

Về quan hệ huyết thống như nguyên đơn trình bày là đúng.

Về di sản, cụ T1 có các tài sản gồm:

- Nhà đất tại 23, ngõ T, phố Đ, phường T quận H, thành phố Hà Nội là tài sản chung của cụ T1 với cụ Nguyễn Thị T. Nhà đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đứng tên cụ T, sau đó cụ T đã chuyển nhượng cho người khác.

- Nhà đất tại số 23, B, quận H, thành phố Hà Nội.

Các bị đơn đề nghị Tòa án chia thừa kế nhà đất nêu trên và xin nhận bằng hiện vật.

Còn về nhà đất bị đơn đang quản lý tại thôn C, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là của cụ T1 được hưởng thừa kế theo Bản án phúc thẩm số 15/DS-PT ngày 21/10/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình; diện tích 03 sào đất ở và 02 sào ao. Khi thi hành Bản án này, do cụ T1 không có tiền nên ông U đã bỏ tiền ra thanh toán cho các thừa kế khác và ông U được hưởng nhà đất theo Bản án. Do vậy, nhà đất này không còn là di sản thừa kế. Phần tài sản còn lại là tài sản riêng của cụ C và các người con của cụ C với cụ T1, không liên quan gì đến cụ T và các con của cụ T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Vợ và các con ông Trịnh Văn U là bà Nguyễn Thị Đ, anh Trịnh Hồng T3, chị Trịnh Thị P, anh Trịnh Văn S, chị Trịnh Thị H1, anh Trịnh Văn B thống nhất trình bày: Đồng ý với lời khai của ông U, không đồng ý chia nhà đất cho cụ T và các con cụ T vì không có quyền lợi gì tại thôn C, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội.

Ông Trịnh Văn Đ1, bà Trịnh Thị L3 cùng thống nhất trình bày: Nếu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ T1, ông bà xin được nhận thừa kế bằng tiền.

Chị Phạm Thị HảI H3 và anh Đinh Văn T4 cùng thống nhất trình bày: Vợ chồng chị mua nhà đất tại số 23 ngõ T, phố Đ, phường T, quận H, thành phố Hà Nội của cụ Nguyễn Thị T và 06 người con, Hợp đồng mua bán được lập tại phòng công chứng số 1, thành phố Hà Nội ngày 19/8/2004. Anh, chị được biết nguồn gốc nhà đất là của cụ T1 và cụ T. Sau khi cụ T1 chết, cụ T và các con đã tiến hành khai nhận di sản thừa kế. Tình trạng nhà khi mua là nhà xây gạch 02 tầng, tầng 2 lợp tôn. Sau khi mua, anh chị đã phá bỏ nhà cũ, xây dựng nhà mới như hiện nay.

Nay có việc ông U yêu cầu chia thừa kế nhà đất này, anh chị không đồng ý, vì việc mua bán đã thực hiện xong. Anh, chị không có yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, bảo vệ quyền lợi cho anh chị.

Ông Đinh Văn T5 và bà Hà Thị T4 trình bày: Ông bà là cha mẹ anh Đinh Văn T4 và chị Phạm Thị Hải H3. Nhà đất này ông bà được anh T4, chị H3 tặng cho, đã làm xong thủ tục sang tên. Việc mua bán giữa cụ T và anh T4, chị H3 đã xong nên ông bà không có ý kiến gì.

Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội do ông Trần Đình V - Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 29/7/2010, Uỷ ban nhân dân quận Hai Bà Trưng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho anh T4 và chị H3. Ngày 10/8/2010, anh T4 và chị H3 ký Hợp đồng tặng cho ông T5 và đã hoàn thành việc đăng ký sang tên nhà đất. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tại số 23 T cho ông T5, bà T4 là đúng quy định pháp luật. Nay phát sinh tranh chấp chia thừa kế liên quan đến nhà đất 23 T, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội do bà Lê Khánh L là đại diện ủy quyền trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình cụ T là đúng trình tự và thủ tục quy định tại Quyết định số 69/1999/QĐ-UB ngày 18/8/1999 và Quyết định số 158/2002/QĐ-UB ngày 25/11/2002 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội. Có việc tranh chấp thừa kế nhà đất số 23 ngõ T, phố Đ, phường T, quận H, thành phố Hà Nội thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2013/DS-ST ngày 30/12/2013, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị T, ông Trịnh Văn H, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị M, ông Trịnh A, bà Trịnh Ánh H, ông Trịnh Quốc H1.*

*1. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ T1 năm 1994 khi cụ T1 chết; xác định cụ T1 chết không để lại di chúc.*

*2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 gồm cụ Nguyễn Thị C, ông Trịnh Văn U, ông Trịnh Văn U1, ông Trịnh Văn T6, ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Văn H2, cụ Nguyễn Thị T, ông Trịnh Văn H, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị M, ông Trịnh A, bà Trịnh Ánh H, ông Trịnh Quốc H1, ông Trịnh Văn Đ1, bà Trịnh Thị L3 và các thừa kế là con, cháu của ông Trịnh Văn Đ thế vị gồm: Trịnh Thanh T2 và Trịnh Yến N (cháu), Trịnh Xuân H3 (con).*

*3. Xác định di sản thừa kế của cụ T1 gồm có:*

*+ ½ giá trị quyền sử dụng đất tại 51,4m$^2$ đất ở thuộc thửa 108, tờ bản đồ số 5H-II-15 tại số 23 ngõ T, phố Đ, tổ 43, phường T, quận H, thành phố Hà Nội có giá trị 899.500.000đ.*

*+ Đất ở và đất ao theo bản án hiện ông U đang quản lý gồm:*

*Thửa đất số 199, diện tích 846m$^2$ có giá trị 846.100.000đ;*

*Thửa đất ao số 214 và 243 có tổng diện tích 608,5m$^2$ có giá trị 547.650.000đ.*

*Giá trị gỗ dỡ ra từ mái nhà cũ có giá trị 5.000.000đ.*

*Tổng cộng 1.398.750.000đ.*

*+ ½ giá trị quyền sử dụng đất ở và đất ao đã kê khai từ năm 1944 là tài sản chung giữa cụ T1 và cụ C gồm các thửa đất:*

*Thửa số 141 diện tích 435m$^2$, hiện ông Trịnh Xuân L đang quản lý có giá trị 304.500.000đ.*

*Thửa số 169 diện tích 610,8m$^2$ hiện ông Trịnh Văn U đang quản lý có giá trị 610.800.000đ.*

*Thửa số 170 diện tích 441m$^2$ hiện ông Trịnh Văn H2 đang quản lý có giá trị 352.800.000đ.*

*Thửa số 171 diện tích 144,4m$^2$ và thửa số 172 diện tích 727,9m$^2$ hiện cụ Nguyễn Thị C đứng tên quản lý có giá trị 697.840.000đ.*

*Giá trị di sản = 982.970.000đ.*

*Tổng di sản của cụ T1 có giá trị 899.500.000đ (nhà đất ở 23 T) + 1.398.750.000đ (thừa kế theo bản án) + 982.970.000đ (đất là tài sản chung với cụ C) = 3.218.220.000đ.*

*4. Chia thừa kế theo pháp luật, mỗi thừa kế được nhận 205.076.250đ.*

*5. Chia bằng hiện vật cụ thể như sau:*

*- Chia chung vào một khối cho các nguyên đơn gồm: cụ Nguyễn Thị T, ông Trịnh Văn H, Trịnh Văn T, Trịnh Thị M, Trịnh A, Trịnh Ánh H, Trịnh Quốc H1 các khối tài sản gồm:*

*+ Toàn bộ phần thừa kế tại nhà đất tại số 23 ngõ T, phố Đ, tổ 43, phường T, quận H, thành phố Hà Nội có giá trị 899.500.000đ.*

*+ Hai thửa đất ao số 214 và 243 có tổng diện tích 608,5m$^2$ có giá trị 547.650.000đ.*

*Tổng giá trị hiện vật nguyên đơn được chia 1.447.150.000đ. So với kỷ phần được hưởng còn thừa ra 11.616.250đ có trách nhiệm thanh toán các thừa kế khác là anh Trịnh Văn Đ1 và chị Trịnh Thị L3.*

*- Chia chung vào một khối cho các bị đơn gồm: cụ Nguyễn Thị C, ông Trịnh Văn U, ông Trịnh Văn U1, ông Trịnh Văn T6, các thừa kế thế vị của ông Trịnh Văn Đ, ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Văn H2 các diện tích đất còn lại gồm các thửa đất: 141 diện tích 435m$^2$; 199 diện tích 846,1m$^2$; 169 diện tích 610,8m$^2$; 170 diện tích 441m$^2$, 171 diên tích 144,4m$^2$; 172 diện tích 727,9m$^2$ và giá trị 5.000.000đ gỗ dỡ từ mái nhà. Tổng giá trị hiện vật các bị đơn được chia 1.834.070.000đ. So với kỷ phần thừa kế được hưởng, còn thừa ra 398.536.250đ và có nghĩa vụ thanh toán cho các thừa kế khác là ông Trịnh Văn Đ1 và bà Trịnh Thị L3.*

*(Có sơ đồ cụ thể kèm theo Bản án).*

*6. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số 5764 được lập tại Phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nội ngày 19/8/2004 giữa cụ Nguyễn Thị T và các con với anh Đinh Văn T4, chị Phạm Thị HảI H3 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà giữa anh T4, chị Hà với vợ chồng ông Đinh Văn T5, bà Hà Thị T4. Giành quyền khởi kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho các đương sự bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.*

*7. Giao kỷ phần thừa kế và phần tài sản của cụ C cho các thừa kế của cụ C gồm: ông Trịnh Văn U, ông Trịnh Văn U1, ông Trịnh Văn T6, các thế vị của ông Trịnh Văn Đ, ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Văn H2 quản lý. Nếu sau này không tự thỏa thuận giải quyết được có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.*

*8. Không chấp nhận các yêu cầu khác của bên đương sự.*

*Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.*

Ngày 22/01/2014, ông U, anh S có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 198/2014/DSPT ngày 16, 17/12/2014, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội quyết định:

*Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Văn U và kháng cáo của anh Trịnh Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; sửa bản án sơ thẩm:*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị T, ông Trịnh Văn H, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị M, ông Trịnh A, bà Trịnh Ánh H, ông Trịnh Quốc H1.*

*1. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Trịnh Hữu T1 năm 1994 (khi cụ T1 chết), xác định cụ T1 chết không để lại di chúc.*

*2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 gồm cụ Nguyễn Thị C, ông Trịnh Văn U, ông Trịnh Văn U1, ông Trịnh Văn T6, ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Văn H2, cụ Nguyễn Thị T, ông Trịnh Văn H, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị M, Trịnh A, bà Trịnh Ánh H, ông Trịnh Quốc H1, ông Trịnh Văn Đ1, bà Trịnh Thị L3 và các thừa kế là con, cháu của ông Trịnh Văn Đ thế vị gồm: Trịnh Thanh T2 và Trịnh Yến N (cháu), Trịnh Xuân H3 (con).*

*3. Xác định di sản thừa kế của cụ T1 gồm có:*

*+ ½ giá trị quyền sử dụng đất tại 51,4m$^2$ đất ở thuộc thửa 108, tờ bản đồ số 5H-II-15 tại số 23 ngõ T, phố Đ, tổ 43, phường T, quận H, thành phố Hà Nội có giá trị 899.500.000đ.*

*- Thửa đất ao số 214 và 243 có tổng diện tích 608,5m$^2$ có giá trị 547.650.000đ;*

*- ½ giá trị quyền sử dụng đất ở và đất ao đã kê khai từ năm 1944 là tài sản chung giữa cụ T1 và cụ C gồm các thửa đất:*

*Thửa số 141 diện tích 435m$^2$ hiện ông Trịnh Xuân L đang quản lý có giá trị 304.500.000đ.*

*Thửa số 169 diện tích 610,8m$^2$ hiện ông Trịnh Văn U đang quản lý có giá trị 610.800.000đ.*

*Thửa số 170 diện tích 441m$^2$ hiện ông Trịnh Văn H2 đang quản lý có giá trị 352.800.000đ.*

*Hai thửa đất ao số 171 diện tích 144,4m$^2$ và 172 diện tích 727,9m$^2$ hiện cụ Nguyễn Thị C đứng tên quản lý có giá trị 697.840.000đ*

*Tổng di sản của cụ T1 có giá trị: (899.500.000đ (nhà đất ở 23 T) + 982.970.000đ (đất là tài sản chung với cụ C) + 547.650.000đ (thửa ao số 214 và 243 có tổng diện tích 608,5m$^2$) = 2.430.120.000đ.*

*4. Chia thừa kế theo pháp luật, mỗi thừa kế được nhận là 151.882.500đ (2.430.120.000đ : 16 = 151.882.500đ).*

*5. Chia bằng hiện vật cụ thể như sau:*

*- Chia chung vào một khối cho các nguyên đơn gồm: cụ Nguyễn Thị T, ông Trịnh Văn H, Trịnh Văn T, Trịnh Thị M, Trịnh A, Trịnh Ánh H, Trịnh Quốc H1 các khối tài sản gồm:*

*+ Toàn bộ phần thừa kế tại nhà đất tại số 23 ngõ T, phố Đ, tổ 43, phường T, quận H, thành phố Hà Nội có giá trị 899.500.000đ.*

*+ Hai thửa đất ao số 214 và 243 có tổng diện tích 608,5m$^2$ có giá trị 547.650.000đ.*

*Tổng giá trị hiện vật nguyên đơn được chia 1.447.150.000đ. So với kỷ phần được hưởng còn thừa ra 383.972.500đ có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế khác là ông Trịnh Văn Đ1 và bà Trịnh Thị L3 mỗi người 151.882.500đ, còn lại 80.207.500đ có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế bị đơn là cụ Nguyễn Thị C, ông Trịnh Văn U, ông Trịnh Văn U1, ông Trịnh Văn T6, các thừa kế thế vị của ông Trịnh Văn Đ, ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Văn H2.*

*- Chia chung vào một khối cho các bị đơn gồm: cụ Nguyễn Thị C, ông Trịnh Văn U, ông Trịnh Văn U1, ông Trịnh Văn T6, các thừa kế thế vị của ông Trịnh Văn Đ, ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Văn H2 các diện tích đất còn lại gồm các thửa đất: 141 diện tích 435m$^2$; 169 diện tích 610,8m$^2$; 170 diện tích 441m$^2$, 171 diện tích 144,4m$^2$; 172 diện tích 727,9m$^2$. Tổng giá trị hiện vật các bị đơn được chia là 983.070.000.000đ. So với kỷ phần được hưởng còn thiếu 80.207.500đ, số tiền thiếu này được nhận ở các nguyên đơn các trách nhiệm thanh toán.*

*6. Giao kỷ phần thừa kế và phần tài sản của cụ C cho các thừa kế của cụ C gồm: ông Trịnh Văn U, ông Trịnh Văn U1, ông Trịnh Văn T6, các thế vị của ông Trịnh Văn Đ, ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Văn H2 quản lý. Nếu sau này*

*không tự thỏa thuận giải quyết được có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.*

Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về án phí và nghĩa vụ chậm thi hành án.

Ngày 26/2/2015, ông Trịnh Văn U và anh Trịnh Văn S có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 81/2017/KN-DS ngày 11/12/2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 198/2014/DS-PT ngày 17/12/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2013/DS-ST ngày 30/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Trịnh Hữu T1 chết ngày 23/11/1994. Căn cứ Điều 3, Điều 24 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 thì thời điểm mở thừa kế là ngày 23/11/1994 và do cụ T1 không để lại di chúc nên di sản thừa kế của cụ T1 được chia theo pháp luật.

[2] Cụ Trịnh Hữu T1 kết hôn với cụ Nguyễn Thị C năm 1938, hai cụ có 06 con chung là ông Trịnh Văn U, ông Trịnh Văn U1, bà Trịnh Kim T1, ông Trịnh Văn Đ (chết năm 1990), ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Văn H2. Năm 1950, cụ Trịnh Hữu T1 sống chung với cụ Nguyễn Thị H, sinh được 02 người con chung là ông Trịnh Văn Đ1 và bà Trịnh Thị L3. Năm 1957, cụ Trịnh Hữu T1 sống chung với cụ Nguyễn Thị T, sinh được 07 người con chung là ông Trịnh Hữu H, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị M, ông Trịnh A, bà Trịnh Ánh H, ông Trịnh Quốc H1, ông Trịnh Tuấn Anh. Như vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a, Mục 4 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế thì cụ T1 thuộc diện có nhiều vợ là cụ C, cụ T, cụ H.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trịnh Hữu H cho rằng cụ T1 và cụ H đã ly hôn là không đúng. Vì tại Công văn số 19/CV-TA ngày 13/4/2009, Tòa án nhân dân huyện Thường Tín trả lời ông Trịnh Hữu H là khoảng năm 1970/1971, Tòa án nhân dân huyện Thường Tín không giải quyết trường hợp ly hôn nào có tên là Trịnh Hữu T1 và Nguyễn Thị H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm xác định cụ T1 và cụ H đã ly hôn khoảng năm 1971-1972 là không có cơ sở.

[4] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 bao gồm: Cụ C, ông U, ông U1, bà T1, ông L, ông H2, người thừa kế thế vị của ông Đ, cụ H, ông Đ1, bà L3, cụ T,

ông H, ông T, bà M, ông A2, bà H, ông H1, ông A2(chết năm 1997; không có vợ, con). Như vậy, tại thời điểm mở thừa kế của cụ T1, có 18 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất (gồm vợ, con của cụ T1 được hưởng di sản của cụ T1 để lại), nhưng do ông A2 chết năm 1997 không có vợ, con nên chỉ còn 17 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 là 16 người là không đúng, mà phải là 17 người.

[5] Đối với nhà, đất tại số 23, ngõ T, phố Đ, phường T, quận H, thành phố Hà Nội được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho cụ Nguyễn Thị T ngày 17/7/2000. Nhà đất này phát sinh trong thời kỳ cụ T1 và cụ C, cụ H, cụ T cùng chung sống nên phải xác định là tài sản chung của cả 04 cụ. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định nhà, đất tại số 23, ngõ T, phố Đ, phường T, quận H, thành phố Hà Nội là tài sản chung của cụ T và cụ T1 là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của cụ H và các thừa kế của cụ C.

[6] Đối với di sản của cụ T1 được hưởng theo Bản án dân sự phúc thẩm số 15/1981/DSPT ngày 21/10/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình là 03 sào đất ở và 02 sào đất ao tại xã D, huyện T, thành phố Hà Nội: Căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 20/4/2005 thì theo sổ đăng ký ruộng đất năm 1987, vị trí 05 sào đất này là các thửa 151, 186, 187, 188, có tổng diện tích 1.625m$^2$ (tương đương 4,5 sào) do bà Trịnh Thị L3 và bà Văn Thị C đăng ký. Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1993, 05 sào đất nêu trên là các thửa 199, 214, 243 với tổng diện tích 1.828m$^2$ (tương đương 5 sào 7) do ông U đứng tên.

[7] Các đồng nguyên đơn cho rằng đây là di sản của cụ T1. Còn ông U cho rằng khi thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 15/1981/DSPT ngày 21/10/1981 nêu trên cụ T1 không có tiền nên ông U đã bỏ tiền ra để thanh toán cho các thừa kế khác. Ngày 11/01/1989, cụ T1 đã cho ông U toàn bộ phần diện tích đất này, Giấy cho đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Chương Dương ngày 11/10/1991. Tuy nhiên, căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959 và điểm A, mục 4 Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế thì di sản của cụ T1 được hưởng theo Bản án dân sự phúc thẩm số 15 ngày 21/10/1981 nêu trên là tài sản chung của 04 cụ gồm: Cụ T1, cụ C, cụ H, cụ T. Vì vậy, một mình cụ T1 cho ông U 03 sào đất ở và 02 sào đất ao mà không có sự đồng ý của cụ C, cụ H, cụ T là không đúng với quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

[8] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích 05 sào đất tại các thửa 199, 214, 243 nêu trên là di sản của cụ T1 là không đúng. Tại phần "XÉT THẤY" của Bản án dân sự phúc thẩm số 198/2014/DS-PT ngày 17/12/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xác định 03 thửa đất nêu trên của ông U nhưng tại phần "QUYẾT ĐỊNH" lại lấy hai thửa đất ao số 214 và 243 để chia di sản thừa kế của cụ T1 cũng là không đúng.

[9] Đối với diện tích 7,5 sào đất ở, đất ao: Tại Biên bản xác minh ngày 20/4/2005 thì quá trình kê khai đăng ký, quản lý sử dụng diện tích 7,5 sào đất này có thay đổi người đứng tên, quản lý, sử dụng. Cụ thể: Năm 1963, cụ T1 có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất thửa 116 với diện tích 1.728m$^2$ đất thổ cư và thửa 117 với diện tích 960m$^2$ đất ao cá; đến năm 1976, 1984 thì diện tích đất trên được tách thành nhiều thửa đứng tên cụ C và ông U (thửa 119, diện tích 588m$^2$); năm 1993, diện tích đất trên được tách thành các thửa 171, 172, 169, 141, 170 đứng tên cụ C, ông U, ông L và ông H2. Theo Biên bản định giá ngày 14/5/2009 thì trên thửa đất số 169 có nhà của gia đình ông U đang quản lý, sử dụng; thửa 141 có nhà của gia đình ông L đang quản lý, sử dụng và thửa 170 có nhà của gia đình ông H2 đang quản lý, sử dụng.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông U cho rằng ông đứng tên thửa 119, bản đồ 1993, với diện tích 720m$^2$ đất; đây không phải là tài sản của cụ T1 mà là của cụ Trịnh Thị M cho ông từ năm 1956 (tặng cho không có giấy tờ). Tòa án chưa làm rõ có việc tặng cho này không? Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cũng chưa làm rõ gia đình ông U, ông H2, ông L xây nhà trên diện tích 7,5 sào đất ở, ao, vườn từ năm nào? Xây nhà trước khi cụ T1 chết hay sau khi cụ T1 chết? Khi gia đình các ông xây nhà có được cụ T1, cụ C, cụ H và cụ T đồng ý hay không? Tòa án cũng chưa xem xét công sức quản lý, tôn tạo của gia đình cụ C, ông U, ông H2, ông L đối với diện tích 7,5 sào đất ở, đất ao, đất vườn nêu trên khi chia di sản thừa kế của cụ T1 cũng không đúng.

[11] Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa cụ T1 và cụ C, cụ H, cụ T thuộc trường hợp một người có nhiều vợ, được pháp luật công nhận. Diện tích 7,5 sào đất ở, đất ao trên là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của cụ T1, cụ C, cụ H, cụ T. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định diện tích 7,5 sào đất ở, đất ao trên là tài sản chung của cụ T và cụ T1 là không đúng, mà phải xác định là tài sản chung của 04 cụ mới đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 81/2017/KN-DS ngày 11/12/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Huỷ Bản án dân sự phúc thẩm số 198/2014/DS-PT ngày 17/12/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2013/DS-ST ngày 30/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về vụ án "Tranh chấp thừa kế" giữa nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị T, ông Trịnh Hữu H, bà Trịnh Thị M, ông Trịnh A, bà Trịnh Ánh H, ông Trịnh Văn T, anh Trịnh Quốc H1 với bị đơn là cụ Nguyễn Thị C (chết ngày 14/10/2013), người thừa kế quyền và nghĩa vụ của cụ C là ông Trịnh Văn U, ông Trịnh Văn U1, bà Trịnh Kim T1, ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Văn H2, cháu Trịnh Thanh

T2, cháu Trịnh Yến N, anh Trịnh Xuân H3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Chánh án TANDTC (để b/c);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TAND cấp cao tại thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THA.DS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GĐKT II TANDTC (2b), Vụ PC&QLKH, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Xuân Minh**